TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương

Ngày 04 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1339/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà N có Đơn xin xét xử vắng mặt; Ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Phạm Thị Ánh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và Ông T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An năm 2008.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng khoảng 10 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Ông T hay nhậu nhẹt không lo làm ăn, không chăm sóc cuộc sống gia đình, bà đã cho Ông T nhiều cơ hội để cùng bà xây dựng gia đình, nhưng Ông T vẫn không sửa đổi. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Ông T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh Hoàng, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh Nhựt, sinh năm 1998. Con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, Ông T không đến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy báo phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Văn T căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Phạm Thị Ánh N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Tám, xác định Bà N là nguyên đơn, Ông T là bị đơn.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên Ông T không đến tham gia phiên tòa. Bà Phạm Thị Ánh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà Bà N cung cấp để giải quyết vụ án.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của Bà N:

Bà N Ông T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà N trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do Ông T không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, bà đã cho Ông T nhiều cơ hội để sửa đổi bản thân cũng như hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng Ông T vẫn không thay đổi, nên vợ chồng đã không còn sống chung. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết việc Bà N nộp đơn xin ly hôn, nhưng ông không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó thể hiện Ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình và trong quá trình giải quyết vụ án Bà N trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông T. Điều đó chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa Ông T Bà N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà N.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh Hoàng, sinh năm 1989 và Nguyễn Minh Nhựt, sinh năm 1998, con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

Về chia tài sản chung: Bà N xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà N xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Phạm Thị Ánh N đối với Ông Nguyễn Văn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Phạm Thị Ánh N được ly hôn với Ông Nguyễn Văn T.

[2]. Về án phí: Bà Phạm Thị Ánh N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005496 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Phạm Thị Ánh N đã nộp xong án phí.

[3]. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[4]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6]. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Hạnh Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền